

THỰC TRẠNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - HOA KỲ

Nguyễn Khánh Vân*

Tóm tắt: Quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã được phát triển từ năm 1994 sau khi Hoa Kỳ bỏ cấm vận đối với Việt Nam và đạt được nhiều thành tựu cho đến nay. Quan hệ với Hoa Kỳ là một trong những mối quan hệ kinh tế vô cùng quan trọng đối với Việt Nam. Nhu cầu tìm hiểu, nắm bắt về thực trạng cũng như những vấn đề đặt ra đối với mối quan hệ này là rất cấp thiết, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang xúc tiến các thỏa thuận thương mại cởi mở hơn với Hoa Kỳ. Nội dung cơ bản của bài viết là phân tích thực trạng quan hệ thương mại và đầu tư Việt Nam - Hoa Kỳ từ góc độ xuất nhập khẩu và đầu tư của Việt Nam, đồng thời đưa ra một số nhận định về những trở ngại mà doanh nghiệp Việt Nam đang gặp phải tại thị trường Hoa Kỳ.

Từ khóa: Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, xuất khẩu, nhập khẩu, rào cản thương mại

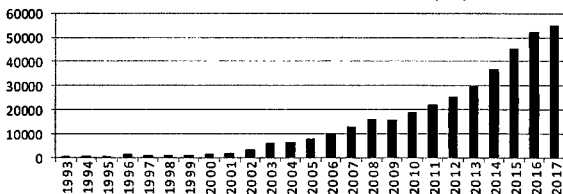
1. Thực trạng quan hệ thương mại và đầu tư Việt Nam - Hoa Kỳ

Quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ bắt đầu phát triển vào năm 1994, sau khi Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton thông báo quyết định bãi bỏ

lệnh cấm vận thương mại đối với Việt Nam (ngày 3/2/1994). Kể từ đó đến nay, kim ngạch thương mại hai nước không ngừng tăng trưởng. Năm 2017, kim ngạch thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ đã đạt hơn 54,6 tỷ USD.

Tổng kim ngạch thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ
giai đoạn 1993-2017

Đơn vị: triệu USD



Nguồn: US Census Bureau 2018, <https://www.census.gov/foreign-trade/balance/c5520.html>

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam năm 2017, Hoa Kỳ là bạn hàng lớn thứ ba của Việt Nam. Thương mại hai chiều chiếm khoảng 11,92% giá trị

thương mại của Việt Nam với tất cả các đối tác trên toàn thế giới trong năm này. Bạn hàng lớn nhất của Việt Nam vẫn là Trung Quốc, với kim ngạch 93,7 tỷ USD.

Xếp thứ hai là Hàn Quốc với 61,6 tỷ USD. Liên minh châu Âu (EU) xếp ngay sau Hoa Kỳ với giá trị thương mại hai chiều 50,4 tỷ USD và ASEAN là 49,5 tỷ USD. Với tốc độ tăng trưởng thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ vào khoảng 20%/năm, dự báo thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ sẽ tăng lên 57 tỷ USD vào năm 2020¹.

Về xuất khẩu: Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu có mức tăng trưởng mạnh nhất và lớn nhất của Việt Nam. Cũng theo Tổng cục Hải quan, tốc độ tăng xuất khẩu trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2016 bình quân đạt 28,1%/năm, từ 732 triệu USD năm 2000 lên đến 38,45 tỷ USD năm 2016. Việt Nam đứng thứ 12 trong số các thị trường xuất khẩu sang Hoa Kỳ, chiếm 1,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ năm 2016². Năm 2017, xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt giá trị cao chưa từng có với 41,6 tỷ USD, tăng 8,2% so với 2016 và chiếm hơn 1/5 tổng giá trị xuất khẩu cả nước. Các thị trường EU và Trung Quốc xếp sau Hoa Kỳ với kim ngạch xuất khẩu lần lượt là 38,28 tỷ USD và 35,46 tỷ USD. Theo Phòng Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam (AmCham), Việt Nam đang là nhà cung cấp hàng đầu trong khu vực ASEAN cho Hoa Kỳ. Từ một nước thành viên ASEAN có kim ngạch xuất khẩu vào Hoa Kỳ thuộc loại ít nhất, năm 2014, Việt Nam đã trở thành thành viên ASEAN xuất khẩu nhiều nhất vào Hoa Kỳ, chiếm 21,6% tổng kim ngạch xuất khẩu ASEAN vào Hoa Kỳ, vượt

Malaysia (19,8%), Thái Lan (14,7%), Indonesia (12,5%), Singapore (9,5%). Con số này có thể đạt hơn 30% trước năm 2020 nếu xu hướng này được tiếp tục³.

Tính đến năm 2017, Việt Nam đã xuất sang Hoa Kỳ khoảng 40 nhóm hàng, trong đó có nhiều mặt hàng đạt giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD. Trong số 10 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, Hoa Kỳ là thị trường chính của hầu hết các mặt hàng này. Nổi bật nhất là hàng dệt may với giá trị 12,28 tỷ USD (chiếm gần 47% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành dệt may Việt Nam); tiếp đến là giày dép với 5,11 tỷ USD (chiếm gần 35% tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành này); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 3,44 tỷ USD; gỗ và sản phẩm từ gỗ là 3,27 tỷ USD; máy móc, thiết bị dụng cụ phụ tùng khác 2,43 tỷ USD; thủy sản 1,41 tỷ USD; hạt điều 1,22 tỷ USD; phương tiện vận tải và phụ tùng là 1,18 tỷ USD. Nhìn chung, các nhóm hàng xuất khẩu sang Hoa Kỳ đều đạt giá trị tăng, trong đó có những nhóm ngành hàng tăng mạnh như phương tiện vận tải và phụ tùng (tăng 48,4%), hạt điều (tăng 25,7%), rau quả (tăng 20,9%), máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (tăng 18,7%), riêng xuất khẩu thủy sản giảm 1,9%.

Về nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Hoa Kỳ cũng có xu hướng tăng trưởng, đặc biệt sau khi Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA) được ký kết năm 2000 và có hiệu lực vào tháng 12/2001, đạt mức bình quân

22,2%/năm trong giai đoạn 2000-2016, từ 352 triệu USD lên 8,7 tỷ USD. Việt Nam là thị trường nhập khẩu hàng hóa xuất xứ Hoa Kỳ lớn thứ 27, chiếm tỷ trọng 0,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Hoa Kỳ năm 2016⁴. Về cơ bản, giá trị hàng hóa Việt Nam nhập khẩu từ Hoa Kỳ vẫn rất khiêm tốn so với nhập khẩu từ các thị trường khác. Trong năm 2017, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa có nguồn gốc từ Hoa Kỳ của Việt Nam đạt 9,2 tỷ USD. Hoa Kỳ đứng sau Trung Quốc (58,229 tỷ USD), Hàn Quốc (46,734 tỷ USD), ASEAN (28,021 tỷ USD), Nhật Bản (16,592 tỷ USD), EU (12,098 tỷ USD) về giá trị xuất khẩu vào Việt Nam⁵. Như vậy, trong năm 2017, Hoa Kỳ đã nhập siêu của Việt Nam 32,4 tỷ USD. Xu thế nhập siêu này bắt đầu từ năm 1997 và liên tục gia tăng. Theo số liệu thống kê từ Bộ Thương mại Hoa Kỳ, Việt Nam là một trong 10 nước xuất siêu lớn nhất vào thị trường Hoa Kỳ. Hơn nữa, trong số những đối tác lớn của Việt Nam, Hoa Kỳ là thị trường đạt mức thặng dư thương mại lớn nhất.

Hiện nay, Việt Nam nhập khẩu từ Hoa Kỳ 43 nhóm mặt hàng, chủ yếu bao gồm phương tiện vận chuyển, máy móc, máy bay, sản phẩm điện tử, máy tính, thực phẩm, bông, nguyên phụ liệu dệt may, da, giày. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 9 tháng đầu năm 2017, có hai nhóm hàng nhập khẩu từ Hoa Kỳ trị giá trên 1 tỷ USD là nhóm hàng máy vi tính và điện tử đạt 2,08 tỷ USD, tăng 33,7% so với cùng kỳ năm 2016 và

chiếm 30,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa các loại từ Hoa Kỳ; và nhóm hàng bông sợi đạt giá trị 1,03 tỷ USD, chiếm 15%, tăng trên 62% so với cùng kỳ. Tiếp đến là nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng chiếm gần 10%, đạt 680,09 triệu USD, giảm 4,9%; nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày chiếm 3,8%, đạt 260,79 triệu USD, tăng 25%. Đa số các nhóm hàng Việt Nam nhập khẩu từ Hoa Kỳ đều tăng kim ngạch, trong đó nhóm hàng phế liệu sắt thép tăng mạnh nhất 269,6%, đạt 130,7 triệu USD; dầu mỏ tăng 187%, đạt 37,17 triệu USD; nhóm máy ảnh, máy quay phim và linh kiện tăng 233,4%, đạt 29,77 triệu USD; giấy các loại tăng 114%, đạt 17,61 triệu USD; quặng và khoáng sản tăng 149,4%, đạt 13,49 triệu USD. Tuy nhiên, nhóm hàng lúa mỳ đã giảm 92% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2016, đạt gần 3,2 triệu USD. Nhập khẩu đậu tương, thức ăn gia súc và nguyên liệu, nguyên phụ liệu thuốc lá và nhóm hàng đá quý, kim loại quý từ thị trường Hoa Kỳ trong 9 tháng đầu năm 2017 cũng giảm mạnh, với mức tương ứng 23,4%, 30,7%, 17,2% và 28,5% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước⁶.

2. Thực trạng hoạt động đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam tại Hoa Kỳ

Xu thế đầu tư của Việt Nam vào Hoa Kỳ chỉ thực sự bắt đầu từ sau khi Hiệp định BTA có hiệu lực vào tháng 12/2001. Thời điểm này, vốn đầu tư của Việt Nam vào Hoa Kỳ tăng vọt từ 260 nghìn USD

năm 2001 lên 21 triệu USD trong năm 2002. Tuy nhiên, trong những năm sau đó, con số này chỉ đạt mức trung bình trên 2 triệu USD. Từ năm 2006 đến nay đánh dấu thời kỳ đẩy mạnh của hoạt động đầu tư ra nước ngoài khi số dự án và vốn đăng ký đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài tăng đáng kể. Điều này có được do Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định 78/2006/NĐ-CP ngày 9/8/2006 hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư năm 2005 theo tư duy mới: Các nhà đầu tư và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền đầu tư ra nước ngoài, có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động kinh doanh và giảm thiểu các quy định bất hợp lý, trái với nguyên tắc tự do kinh doanh...; và Đề án “Thúc đẩy đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tháng 2/2009. Vốn đăng ký đầu tư vào Hoa Kỳ tăng từ 6,6 triệu USD năm 2006 lên 34,2 triệu USD năm 2007 và đạt đỉnh vào năm 2009 với 114,4 triệu USD. Trong giai đoạn 2006-2016, tổng số vốn đầu tư đăng ký của doanh nghiệp Việt Nam tại 70 quốc gia là 15,66 tỷ USD với 1.026 dự án⁷, con số đầu tư vào Hoa Kỳ là 655,7 triệu USD với 149 dự án. Vốn đăng ký đầu tư của Việt Nam vào Hoa Kỳ năm 2017 là 37,7 triệu USD. Nhìn chung, xu thế tăng đầu tư của Việt Nam vào Hoa Kỳ đang định hình rõ nét từ sau năm 2006, thể hiện ở cả vốn đăng ký và số lượng dự án. Tuy nhiên, tổng vốn đăng ký, cũng như số dự án của doanh

niệp Việt Nam đầu tư vào Hoa Kỳ còn rất khiêm tốn so với các thị trường chủ chốt khác và không ổn định.

Đầu tư của Việt Nam vào Hoa Kỳ

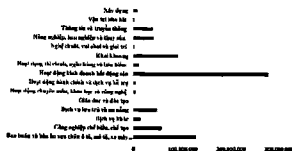
Tổng vốn : 722,43 triệu USD



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư 2018

Cũng theo thống kê của Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2018, trong tổng số 15 lĩnh vực đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam tại Hoa Kỳ, hoạt động kinh doanh bất động sản đứng đầu với tổng vốn 277,8 triệu USD và 17 dự án; tiếp đến là bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy, xe có động cơ khác với 88 dự án và tổng vốn 126,47 triệu USD. Lĩnh vực khai khoáng đứng thứ ba với tổng vốn 90,1 triệu USD; Công nghiệp chế biến, chế tạo với 10 dự án và 56,3 triệu USD; Dịch vụ lưu trú, ăn uống 46,5 triệu USD với 17 dự án; Nông lâm nghiệp và thủy sản 40 triệu USD; Thông tin và truyền thông 38,2 triệu USD.

Đầu tư của Việt Nam sang Hoa Kỳ theo lĩnh vực đơn vị: USD



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch Đầu tư 2018

3. Một số khó khăn của thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ do rào cản thương mại của Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam với tốc độ tăng trưởng cao, tuy nhiên, Hoa Kỳ cũng được biết đến là quốc gia có hệ thống luật pháp phức tạp và nhiều rào cản kỹ thuật đối với thương mại. Những rào cản thương mại của Hoa Kỳ đã gây nên rất nhiều thiệt hại cho các doanh nghiệp Việt Nam muốn tiếp cận thị trường này. Bên cạnh việc duy trì mức thuế quan cao và thiếu công bằng với các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào Hoa Kỳ, các rào cản phi thuế quan chủ yếu đối với hàng hóa nhập khẩu vào Hoa Kỳ được thực hiện thông qua: Các biện pháp hạn chế định lượng (hạn ngạch nhập khẩu, hạn chế nhập khẩu theo các luật môi trường, hạn chế nhập khẩu vì mục tiêu an ninh chính trị và kinh tế,...); Giấy phép nhập khẩu; Các quy định về an toàn thực phẩm và vệ sinh dịch tễ; Quy định về xuất xứ và ký hiệu, mã hiệu hàng hoá; Quy định về nhãn hiệu thương mại và bản quyền; Các tiêu chuẩn về an toàn lao động; Và các biện pháp thương mại tạm thời hay biện pháp khẩn cấp (bao gồm hai biện pháp chính là tự vệ và chống phá giá).

Các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam thường xuyên gặp khó khăn do các rào cản thuế quan và phi thuế quan, cụ thể là đáp ứng với các tiêu chuẩn về lao động, môi trường, xuất xứ, an toàn thực phẩm và phải chịu các vụ kiện chống bán phá giá và chống trợ giá của phía Hoa

Kỳ. Điều này có thể được thấy rõ trong trường hợp những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Hoa Kỳ.

Trước hết là ngành dệt may: Từ năm 2002, hàng dệt may Việt Nam đã xuất khẩu vào Hoa Kỳ với số lượng tăng đột biến sau khi tránh được việc bị đánh thuế phân biệt đối xử (nhờ hiệu lực của BTA). Năm 2002, hàng dệt may Việt Nam xuất khẩu vào Hoa Kỳ đạt kim ngạch 957 triệu USD, lớn hơn nhiều so với mức trung bình dưới 50 triệu USD/năm nhiều năm trước đó. Năm 2003, khi kim ngạch này tăng lên 1,9 tỷ USD⁸, Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã yêu cầu Việt Nam đàm phán Hiệp định Dệt may với *cơ chế hạn ngạch* để bắt đầu hạn chế mức nhập khẩu vào Việt Nam. Năm 2004, hai nước ký kết Hiệp định Dệt may theo đó mức hạn ngạch được đặt ra cho gần 100 mã hàng dệt may thế mạnh của Việt Nam. Do chưa phải là thành viên của WTO nên Việt Nam không được áp dụng Hiệp định hàng dệt may (ATC) nhằm dỡ bỏ dần hạn ngạch và hạn chế đối với việc buôn bán hàng dệt may trong ba giai đoạn. Từ năm 2004 đến năm 2006, hàng dệt may Việt Nam xuất khẩu vào Hoa Kỳ chỉ tăng trưởng với tốc độ bình quân 7,5%/năm do bị hạn chế bởi hạn ngạch. Đến tháng 6/2007, Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), hàng dệt may Việt Nam được hưởng mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi theo nguyên tắc Tối huệ quốc và được bãi bỏ hạn ngạch khi xuất khẩu vào Hoa Kỳ như những nước thành viên WTO khác. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của

Việt Nam vào Hoa Kỳ cuối năm 2008 đã đạt 5,5 tỷ USD. Ngay sau đó, Chính phủ Hoa Kỳ lại áp đặt *chế độ giám sát bán phá giá* đối với hàng dệt may Việt Nam. Chế độ giám sát này đã gây hiệu ứng tâm lý lo lắng từ các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ và lập tức làm tốc độ nhập khẩu hàng dệt may Việt Nam xuống 9,6% so với các năm trước. Sau hai năm áp dụng, chế độ này đã bị bãi bỏ do gặp nhiều phản đối từ phía các Hiệp hội Nhập khẩu và Hiệp hội Bán lẻ của Hoa Kỳ, cũng như từ phía Việt Nam. Từ năm 2010, hàng dệt may Việt Nam mới được đối xử bình đẳng khi xuất khẩu vào Hoa Kỳ như những nước khác trong WTO và đã đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 10%/năm. Năm 2017, kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam vào Hoa Kỳ đã đạt 12,28 tỷ USD. Việt Nam là nước xuất khẩu dệt may vào Hoa Kỳ lớn thứ hai thế giới, sau Trung Quốc. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra hiện nay là mức thuế mà ngành hàng dệt may Việt Nam phải đóng đang ở mức cao. Theo phát biểu của Vụ trưởng Vụ Thị trường đa biên (Bộ Công Thương), Phó trưởng đoàn đàm phán TPP của Việt Nam Lương Hoàng Thái, dệt may Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ chịu 1,17 tỷ USD tiền thuế nhập khẩu/năm. Mức thuế này lớn hơn của bất kỳ nước tham gia TPP nào phải chịu ở Hoa Kỳ. Hiện có dòng hàng bị đánh thuế trên 30% và trung bình của dệt may là 17%⁹. Thực tế là ngành dệt may Việt Nam chủ yếu làm gia công: Vải nhập từ Trung Quốc, sợi chỉ từ Hàn Quốc, các phụ kiện chủ yếu từ một số nước Đông Nam Á, và điều này không

thể đáp ứng những quy chuẩn đang rất được quan tâm của phía Hoa Kỳ về quy tắc xuất xứ nhằm yêu cầu Việt Nam phải làm được hàng dệt may đạt tiêu chuẩn từ sợi trở đi và chi hướng ưu đãi về thuế nếu làm được điều này.

Đây không chỉ là vấn đề của ngành dệt may mà của toàn bộ xuất khẩu Việt Nam. Hiện nay, hàng hóa xuất xứ từ Việt Nam vào Hoa Kỳ đang bị áp mức thuế cao hơn các nước phát triển khác như Nhật Bản, Anh, Pháp, Đức, Thái Lan, Campuchia... Trong 8 tháng đầu năm 2017, hàng xuất khẩu Việt Nam vào Hoa Kỳ đã đóng thuế hơn 2,2 tỷ USD (mức thuế cao thứ hai, chỉ sau Trung Quốc) dù trị giá hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm chưa tới 2% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ. Trong khi đó, Nhật Bản chỉ đóng khoảng 1,5 tỷ USD tiền thuế dù giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước này vào thị trường Hoa Kỳ cao hơn Việt Nam rất nhiều (89,2 tỷ USD). Các nước ASEAN cũng chịu mức thuế thấp hơn nhiều so với Việt Nam: Campuchia 278 triệu USD, Thái Lan 298 triệu USD, Indonesia 823 triệu USD¹⁰. Điều này đã đội giá thành sản phẩm lên và làm giảm khả năng cạnh tranh của hàng Việt Nam tại Hoa Kỳ. Trước thực tế này, Việt Nam đã xúc tiến việc phê chuẩn Hiệp định và Nghị định thư giữa Việt Nam và Hoa Kỳ về tránh đánh thuế hai lần vào tháng 2/2017 và đề nghị Chính phủ Hoa Kỳ xem xét đẩy nhanh việc phê chuẩn hiệp định này.

Nông, lâm, thủy sản cũng là mặt hàng đáng quan tâm. Hoa Kỳ hiện là thị trường quan trọng thứ hai của Việt Nam sau Trung Quốc, việc xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ luôn gặp nhiều trở ngại và đối xử không công bằng, cụ thể:

Thứ nhất, hàng nông sản Việt Nam gặp nhiều rào cản kỹ thuật liên quan đến vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, quy trình cấp phép, tiêu chuẩn môi trường. *Luật Hiện đại hóa An toàn Thực phẩm Hoa Kỳ* (FSMA) được Chính phủ Hoa Kỳ ban hành năm 2011 đã đưa ra một loạt thay đổi theo hướng kỹ lưỡng hơn trong chính sách quản lý an toàn thực phẩm. FSMA ít được các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản Việt Nam chú ý nên gần đây 679 doanh nghiệp xuất khẩu (chủ yếu trong lĩnh vực thực phẩm) của Việt Nam bị Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) loại là do gặp vướng mắc trong vấn đề thủ tục liên quan đến FSMA. Đặc biệt, một số điểm mới của Luật này liên quan đến kiểm soát ngăn ngừa về chất gây dị ứng đã khiến 36-38% lô hàng của doanh nghiệp Việt Nam bị từ chối nhập khẩu vì khai báo sai chất gây dị ứng, chiếm 1/3 số vụ bị từ chối nhập khẩu¹¹; *Thứ hai*, quy trình cấp phép cho nông sản Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ rất phức tạp, tốn kém và kéo dài. Hiện nay mới có 5 loại trái cây (thanh long, chôm chôm, nhãn, vải và vú sữa) của Việt Nam được cấp phép nhập khẩu vào Hoa Kỳ nhưng chi phí đáp ứng các điều kiện quá cao nên hiệu quả kinh tế còn thấp. Riêng chi phí trả cho chuyên gia Hoa Kỳ sang kiểm tra chiếu xạ

khoảng 500 nghìn USD/năm đã làm cho chi phí chiếu xạ trái cây ở Việt Nam lên tới 0,5-0,8 USD/kg, trong khi ở Thái Lan chi phí này chỉ khoảng 0,3 USD/kg; *Thứ ba*, nông sản của Việt Nam còn phải tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm của riêng từng tiểu bang; *Thứ tư*, riêng đối với ngành hàng mui nhọn thủy sản, một loạt các tiêu chuẩn doanh nghiệp trong lĩnh vực này cần đáp ứng khi tiến vào thị trường Hoa Kỳ như: *Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn* - HACCP (là hệ thống quản lý chất lượng mang tính phòng ngừa nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm và chất lượng thực phẩm đã được áp dụng từ ngày 18/12/1997 đặc biệt đối với lĩnh vực thủy sản); *Đạo luật Farm Bill* (chính thức có hiệu lực vào ngày 2/8/2017, quy định 100% lô cá tra của doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ sẽ bị kiểm tra nghiêm ngặt về an toàn thực phẩm, dán nhãn... theo chương trình thanh tra cá da trơn); *Chương trình Giám sát nhập khẩu thủy sản vào Hoa Kỳ* - SIMP (bắt đầu có hiệu lực từ 1/1/2018 nhằm chống lại việc đánh bắt bất hợp pháp, không khai báo, không theo quy định (IUU) và gian lận thương mại thủy sản); *Thứ năm*, bên cạnh các rào cản về kỹ thuật, việc Hoa Kỳ áp thuế chống bán phá giá, trợ giá đối với nông sản Việt Nam cũng tạo nên rất nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Từ đầu những năm 2000 đến nay, các mặt hàng tôm và cá tra của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ liên tục là đối tượng của các vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp và phải chịu áp thuế chống bán phá giá.

Đáng chú ý là Vụ kiện chống bán phá giá cá tra, basa năm 2002 và Vụ kiện bán phá giá tôm đông lạnh năm 2003, trong đó các Hiệp hội ngành nghề của Hoa Kỳ đã khởi kiện Việt Nam và khiến các mặt hàng này liên tục phải chịu mức thuế bán phá giá rất cao và gây nhiều khó khăn cho xuất khẩu. Không chỉ trong lĩnh vực thủy sản, các vụ kiện chống bán phá giá và đồng thời điều tra chống trợ cấp được (điều tra kép) đã được phía Hoa Kỳ liên tục tiến hành với hàng Việt Nam. Tính đến tháng 5/2017, đã có 9 vụ điều tra chống bán phá giá và 6 vụ điều tra chống trợ cấp của Hoa Kỳ đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam¹²

Tóm lại, quan hệ thương mại đầu tư Việt Nam - Hoa Kỳ đã có nhiều bước tiến lớn trong vòng hơn 20 năm qua. Đáng chú ý, xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ tăng trưởng rất ấn tượng và đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Lĩnh vực đầu tư của Việt Nam sang Hoa Kỳ cũng đã bắt đầu có sự bứt phá sau năm 2006. Tuy nhiên, việc xâm nhập của hàng hóa Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ ngày càng gặp khó khăn. Khi những thỏa thuận và cam kết thương mại tiến đến giảm và gỡ bỏ hẳn thuế quan, thì những rào cản phi thuế quan sẽ được đặt ra ngày càng nhiều hơn. Thị trường Hoa Kỳ đã cho thấy điều này và Việt Nam cần phải có những chuẩn bị tốt nhất để đạt được hiệu quả tối ưu trong hoạt động thương mại với Hoa Kỳ ■

Bài viết cho Đề tài cấp Bộ "Thâm nhập thị trường Mỹ của doanh nghiệp Việt Nam" do PGS.TS Cù Chí Lợi chủ nhiệm.

Chú thích:

- 1,5. "Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và 12 tháng năm 2017", 17/01/2018
<https://www.customs.gov.vn/lists/tinhhoatdong/ViewDetails.aspx?ID=26820&Category=Th%E1%BB%91ng%20k%C3%AA%20H%E1%BA%A3i%20quan>
- 2,4. UNComtrade, <https://comtrade.un.org/>
<https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1150&Category=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20chuy%C3%AAn%20C4%91%E1%BB%81&Group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch>
3. Nguyễn Mai, *Hai thập kỷ bùng nổ*, Đặc san của Báo Đầu tư năm 2016, tr64.
6. "Tổng quan tình hình xuất nhập khẩu Việt Nam - Hoa Kỳ", 30/05/2017, <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1150&Category=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20chuy%C3%AAn%20C4%91%E1%BB%81&Group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch>
7. Xem "Vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam", 16/07/2017, <http://tapchitaichinh.vn/kinh-te-vi-mo/kinh-te-dau-tu/von-dau-tu-truc-tiep-ra-nuoc-ngoai-cua-doanh-nghiep-viet-nam-117261.html>
8. "Xuất khẩu dệt may 2017: Lường trước "kịch bản" xấu để kịp "trở tay", 31/12/2016
<http://baodautu.vn/xuat-khau-det-may-2017-luong-truoc-kich-ban-xau-de-kip-tro-tay-d56864.html>
9. "Thuế ngành dệt may vào Mỹ cao nhất trong các nước TPP", 19/12/2015
<http://ndh.vn/thue-nganh-det-may-vao-my-cao-nhat-trong-cac-nuoc-tp-2015121803573233p4c145.news>
10. Xuất khẩu vào Hoa Kỳ: Cần chú trọng cả chất và lượng
<http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/xuat-khau-vao-hoa-ky-can-chu-trong-ca-chat-va-luong-125840.html>
11. "Xuất khẩu vào Hoa Kỳ, doanh nghiệp phải học luật", 27/9/2017
<http://baodauthau.vn/dau-tu/xuat-khau-vao-hoa-ky-dn-phai-hoc-luat-51305.html>
12. "Tổng kê các vụ điều tra chống trợ cấp và bán phá giá đối với hàng hóa Việt Nam", 18/05/2017
<http://chongbanphagia.vn/Modules/News/Uploaded/382/2017051809595751thong-ke-cac-vu-dieu-tra-chong-tro-cap-doi-voi-hang-hoa-viet-nam.pdf>